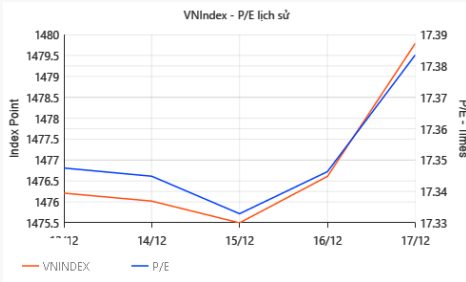




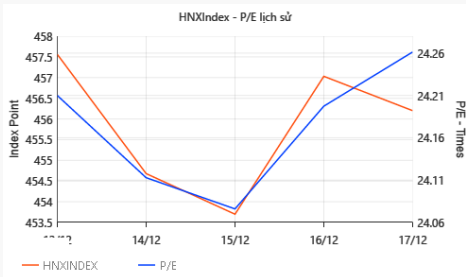
Bộ phận Chiến lược đầu tư

VN-INDEX



Điểm số	1,479.79
Tuần qua (WoW)	1.11%
Từ đầu năm (YTD)	34.05%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	18.73%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	17.76%
P/E	17.38
P/B	2.78

HNX -INDEX



Điểm số	456.20
Tuần qua (WoW)	1.21%
Từ đầu năm (YTD)	124.60%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	5.40%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	8.54%
P/E	24.26
P/B	2.6

KỶ VỌNG TĂNG CAO VÀO NHÓM BẤT ĐỘNG SẢN

Mặc dù số lượng ngành tăng điểm chiếm đa số, điểm số thị trường cũng tăng tích cực đi kèm thanh khoản nhưng độ rộng thị trường tuần qua cũng nghiêng hẳn về phía giảm điểm với 250 mã giảm/ 139 mã tăng trong tuần trên HSX. Sắc xanh đã không lan toả khi dòng tiền chỉ tập trung vào một số mã trong từng ngành, nhóm duy nhất cho thấy đà tăng khá đồng đều là Bất động sản với chất xúc tác là sự kiện đấu giá đất Thủ Thiêm tuần trước.

Thực tế xu hướng của thị trường chưa hoàn toàn xác định và do vậy nhiều khả năng sẽ tiếp tục xuất hiện các phiên rung lắc. Chúng tôi vẫn cho rằng nhà đầu tư nên tập trung mua vào các mã tiềm năng tại các nhịp điều chỉnh hơn là thực hiện mua đuổi, đặc biệt đối với nhóm đang nóng là Bất động sản.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch: không có sự điều chỉnh trong tuần vừa qua

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường tăng điểm nhưng sự phân hóa vẫn tiếp tục với một bộ phận lớn cổ phiếu tiếp tục suy yếu. Thậm chí trong ngắn hạn thì việc giải ngân lúc này cũng sẽ trở nên khó khăn hơn. Còn trong trung dài hạn thì trạng thái vẫn nên được duy trì ở mức thận trọng.

<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>
<i>Danh mục Khuyến nghị</i>	2	<i>News focus</i>	6
<i>Nhận định chiến lược</i>	3	<i>Factset</i>	6
<i>PTKT VN-Index</i>	5	<i>Lịch đầu tư tuần tới</i>	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	10.0%	176.5%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.3%	16.5%	-	-0.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	15.3%	-	15.5%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	17.7%	196.1%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	3.4%	-	29.3%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	9.0%	45.4%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	61.0%	84.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	114.5%	140.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	14.1%	84.4%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	37.0%	140.4%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	15.6%	-	122.8%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	36.4%	73.3%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	48.7%	92.1%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	13.7%	87.3%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	7.1%	30.3%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	10.2%	-	31.7%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 – 28,000	46,000	21,900	1:3	-7.1%
TNG	24/08/21	25,460 – 26,850	35,180	24,000	1:3	28.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	4.0%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	26.4%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	87.9%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	21.1%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	127.9%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	163.8%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	29.7%
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500	1:3	-7.4%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	94.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	7.6%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	39.8%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	17.3%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	86.0%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	243.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	40.9%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	286.9%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	34.8%
TTF	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	62.7%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	0.7%
VCB	18/03/21	96,300 – 98,500	125,000	94,000	1:6	-2.0%
GEG	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	10.8%
FCN	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	89.5%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	9.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	213.4%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	18.6%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	43.6%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	65.5%
SAM*	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	78.5%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	69.7%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	46.2%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	32.4%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	141.3%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	158.1%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	369.4%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	238.7%

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường có 1 tuần hồi phục nhẹ khi dòng tiền tập trung vào vào nhóm midcap và smallcap, đặc biệt thanh khoản của thị trường cũng hồi phục trở lại trong tuần vừa qua.

Sức hút của cổ phiếu bất động sản thể hiện rõ ràng khi ngay cả ở trong nhóm trụ thị trường khi các mã cộng điểm nhiều nhất đều có yếu tố liên quan như VHM, BCM và DIG.

Rõ ràng khi thị trường đang trong vùng trống thông tin thì sự kiện đấu giá đất Thủ Thiêm đã trở thành một chất xúc tác giúp nhóm BĐS nhận thêm nhiều kỳ vọng từ thị trường. Các mã tăng điểm mạnh nhất trong nhóm gồm CEO, DIG, BCM.

Thậm chí, nhóm tăng điểm mạnh nhất tính trong tuần là Ô tô và Phụ tùng thì thực tế 2 mã tăng mạnh nhất là TCH, HHS đều được thúc đẩy bởi kỳ vọng vào phân khúc bất động sản của mình. Câu chuyện tương tự cũng được nhìn thấy tại nhóm tăng điểm mạnh khác là Xây dựng và Vật liệu thì doanh nghiệp hạ tầng nhưng có quỹ đất lớn tại Thủ Thiêm là CII cũng là mã dẫn dắt trong ngành.

Ở chiều ngược lại, Ngân hàng là nhóm điều chỉnh mạnh nhất và đây cũng là nhóm trụ tạo sức ỳ cho chỉ số trong tuần.

Tuần qua là một tuần cơ cấu danh mục và đảo hạn phái sinh, cả khối ngoại lẫn khối tự doanh đều bán ròng với giá trị tương đối lớn. VPB là mã xuất hiện lực bán ròng đáng chú ý từ khối ngoại trong bối cảnh thị trường đang nhìn vào khả năng Ngân hàng dự kiến phát hành riêng lẻ khoảng 15% cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài (SMBC đang là cái tên được thị trường dự đoán).

CHIẾN LƯỢC

Nếu nhìn vào thị trường chung chúng ta sẽ chưa thể khẳng định kịch bản tích cực là điều chỉnh đã chấm dứt. Không chỉ tại các mã trụ như nhóm Ngân hàng mà một số cổ phiếu có đà tăng mạnh đáng chú ý trong thời gian gần đây cũng chững lại, có thể kể tới ITA hay HAG là các mã có nhịp điều chỉnh trong phiên tăng đáng chú ý vào ngày thứ 6 của nhóm Bất động sản.

Nhìn chung giai đoạn trống thông tin đang khiến cho dòng tiền mới ra nhập thị trường cho thấy sự nôn nóng nhất định. Giống như nhận định tuần trước của chúng tôi, nhóm Bất động sản hay nhiều mã midcap vẫn là các lựa chọn đầu tư sáng cho 2022 nhưng cần được tích lũy tại vùng giá phù hợp.

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Tiêu điểm của thị trường toàn cầu lại tập trung về Châu Âu khi Anh là quốc gia đầu tiên đã thực hiện nâng lãi suất từ 0.1% lên 0.25% nhằm kiểm soát lạm phát đang tăng mạnh thời gian gần đây. CPI của Anh đã xác lập mức đỉnh 10 năm trong tháng 11 tại 5.1%. Ngân hàng trung ương nước này BOE lo ngại tác động của giá khí đốt tăng cao khi mùa đông đến sẽ duy trì lạm phát quanh 5% và có thể tạo đỉnh tại 6% vào tháng 5/2022.

Nhìn về phía khu vực đồng tiền chung Euro, Ngân hàng trung ương ECB vẫn thể hiện quan điểm sẽ duy trì mức lãi suất hiện tại trong năm 2022 dù nâng lạm phát dự kiến cho năm 2022 tăng mạnh lên 3.2% và giảm xuống 1.8% trong 2023-2024.

Tại Mỹ, những động thái giảm kích thích đầu tiên của FED đã được thực hiện với mức cắt giảm giá trị mua vào trái phiếu đi 15 tỷ USD trong tháng 11, 30 tỷ trong tháng 12 và sẽ cắt mạnh hơn trong 2022. Sau BOE, FED dự kiến sẽ có 3 lần tăng lãi suất trong năm 2022. Dự báo lạm phát cho 2021 của FED đã tăng lên 5.4% (từ mức 4.2% trước đó), dự báo cho 2022 sẽ đạt 2.6% cho lạm phát toàn phần và 2.7% cho lạm phát cơ bản.

Với sự xuất hiện của Omicron, lượng ca nhiễm mới đang tăng rất mạnh tại cả châu Âu và Mỹ trong thời gian ngắn gần đây. Điều này sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu vaccine cho mũi tiêm phòng đồng thời tiếp tục tạo một rủi ro lớn nữa về dịch bệnh, triển vọng cho nhóm các thị trường lớn do vậy cũng rất khó đoán cho năm tới. Trên thị trường hàng hoá, nhu cầu được dự báo sẽ khó hồi phục mạnh như kỳ vọng ban đầu với biến chủng Omicron, IEA (Mỹ) đã giảm bớt 100,000 thùng mỗi ngày trong dự báo về nhu cầu dầu mỏ toàn cầu cho năm nay và 2022. Trước đó IEA đã kỳ vọng nhu cầu sẽ quay lại mức trước dịch là 99.5 triệu thùng/ngày, tương ứng tăng 5.4 triệu thùng/ngày trong 2021 và 3.3 triệu thùng/ngày trong 2022.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 1.1%, mở cửa cao hơn nhiều so với tham chiếu và cao hơn một chút so với mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và ở mức trung bình.

Thị trường có ngày đầu tuần mở cửa hưng phấn và đóng cửa cao hơn mở cửa nhưng so với mức cao nhất ngày thì lại thấp hơn đáng kể, khối lượng giao dịch cả ngày cũng thấp. Trong bốn ngày còn lại sau đó, dù khối lượng giao dịch dần được cải thiện và trở lại mức cao nhưng VNINDEX chỉ từ giảm nhẹ cho đến tăng nhẹ chứ không có mức tăng lớn, và mức đóng cửa ngày luôn thấp hơn mức mở cửa ngày, cho thấy tâm lý trong ngày là đi xuống theo thời gian. Diễn biến đó tạo thành một chuỗi ngày liên tục cố gắng nhưng không thể bứt phá và ngược lại đem đến rủi ro suy yếu cho chỉ số chung nếu không có gì thay đổi.

Xét đến vốn hóa thì nhóm vốn hóa vừa (VNMIDCAP) là nhóm tăng mạnh nhất trong tuần, xếp sau là nhóm vốn hóa nhỏ (VNSMALLCAP) còn nhóm vốn hóa lớn (VN30) thậm chí giảm nhẹ. Dù vậy thì diễn biến này là do một bộ phận cổ phiếu vốn hóa vừa duy trì được đà tăng, còn thực tế thì nhìn chung sự phân hóa là có thể thấy rõ, dòng tiền không còn thực sự quá mạnh mẽ để sẵn sàng kéo toàn bộ thị trường đi lên, VNMIDCAP quay trở lại vùng đỉnh và lúc này rủi ro đảo chiều có lẽ là lớn hơn cơ hội bứt phá.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,390 – 1,410
Kháng cự	1,500 – 1,520

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

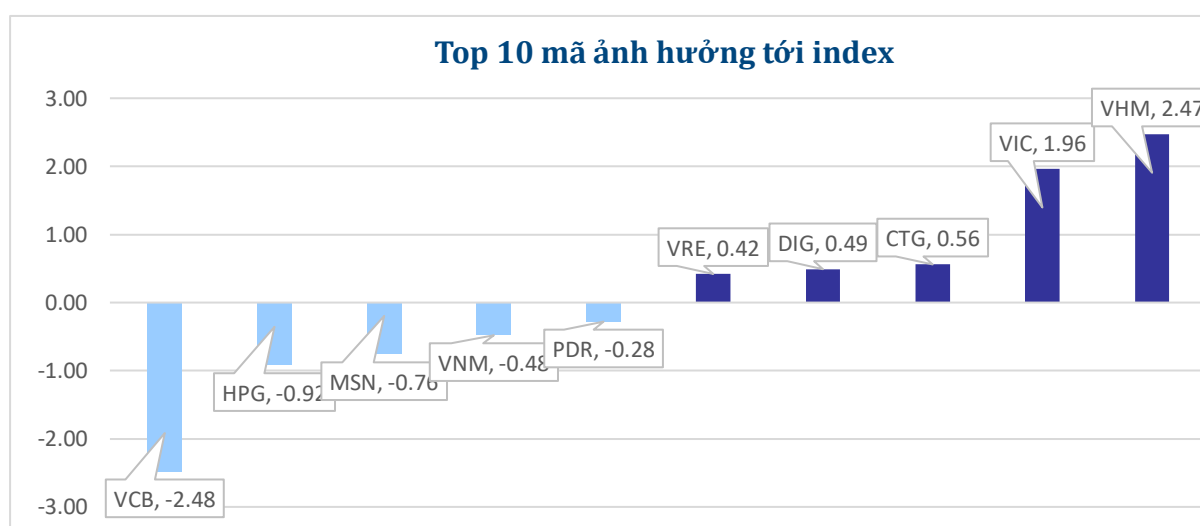
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,479.79	0.22%	3.18	1,114.65	34,461.0	215	62	227
Vn30 - Index	1,513.56	0.22%	3.39	247.01	12,575.4	15	2	13
Vn - Mid	2,132.90	0.22%	4.67	367.01	12,506.9	28	7	35
VN - Small	2,118.02	0.56%	11.75	303.82	5,581.4	78	23	90
HNX - Index	456.20	-0.18%	-0.83	159.86	4,377.9	126	50	131
Upcom - Index	111.60	-0.12%	-0.13	197.71	2,946.7	231	82	231

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	34,461.00	27.76%	1,114.65	20.17%
HNX	4,377.90	28.54%	159.86	30.65%

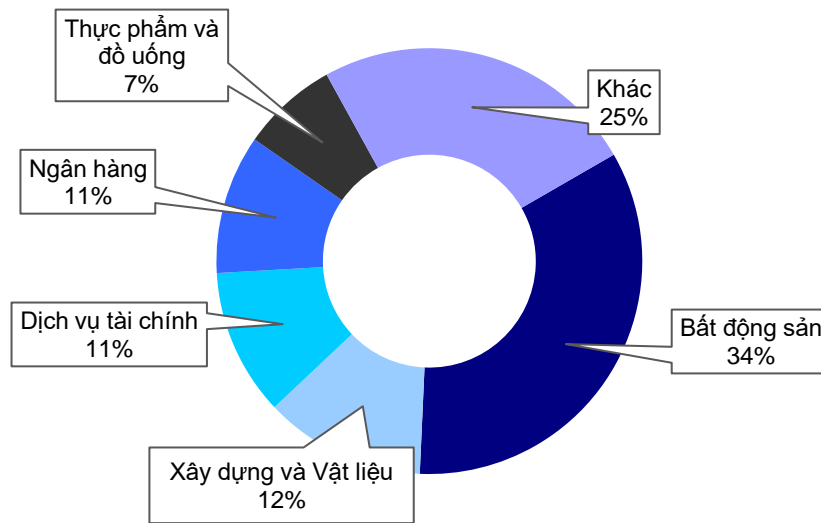
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



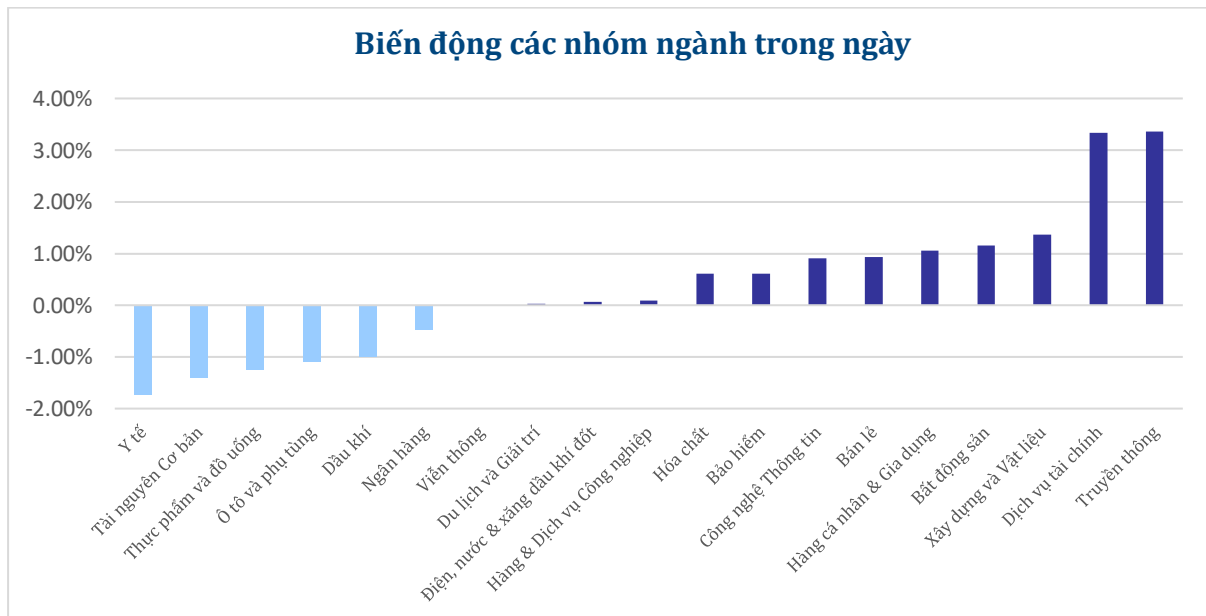
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
ROS	VHM	VHM	VCG	HQC
60.63	2,123.7	569%	6.9%	-7.0%
HQC	VCG	KDH	DPG	HAG
42.99	1,182.6	373%	6.9%	-6.9%
FLC	HPG	VCB	CEO	HNG
36.03	1,032.2	366%	6.6%	-6.7%
HAG	VPB	VCG	CII	VPI
34.73	937.2	313%	6.4%	-5.7%
ITA	SSI	MSN	HCM	ITA
30.14	837.3	303%	6.1%	-4.3%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

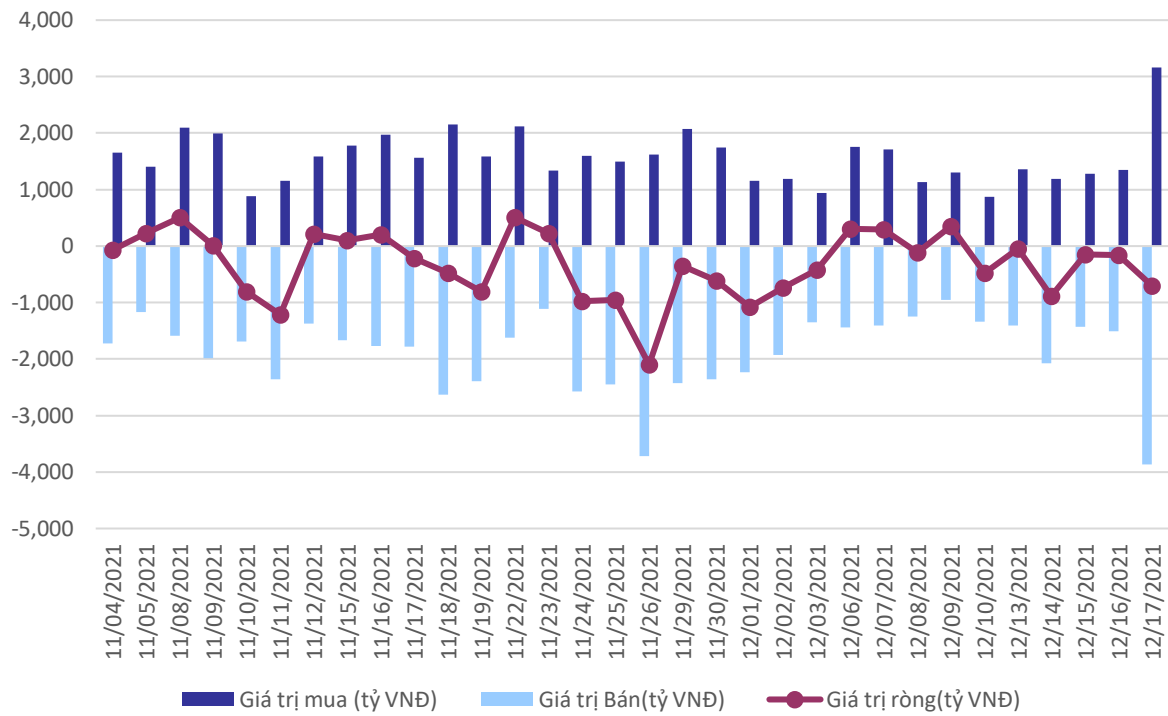


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

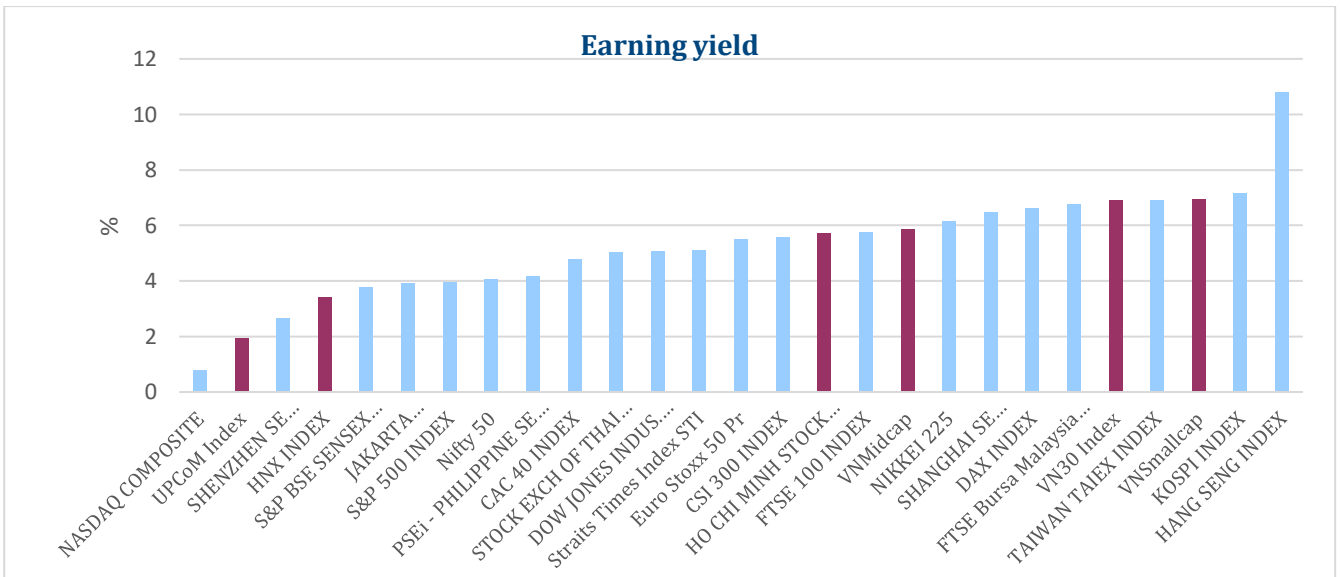
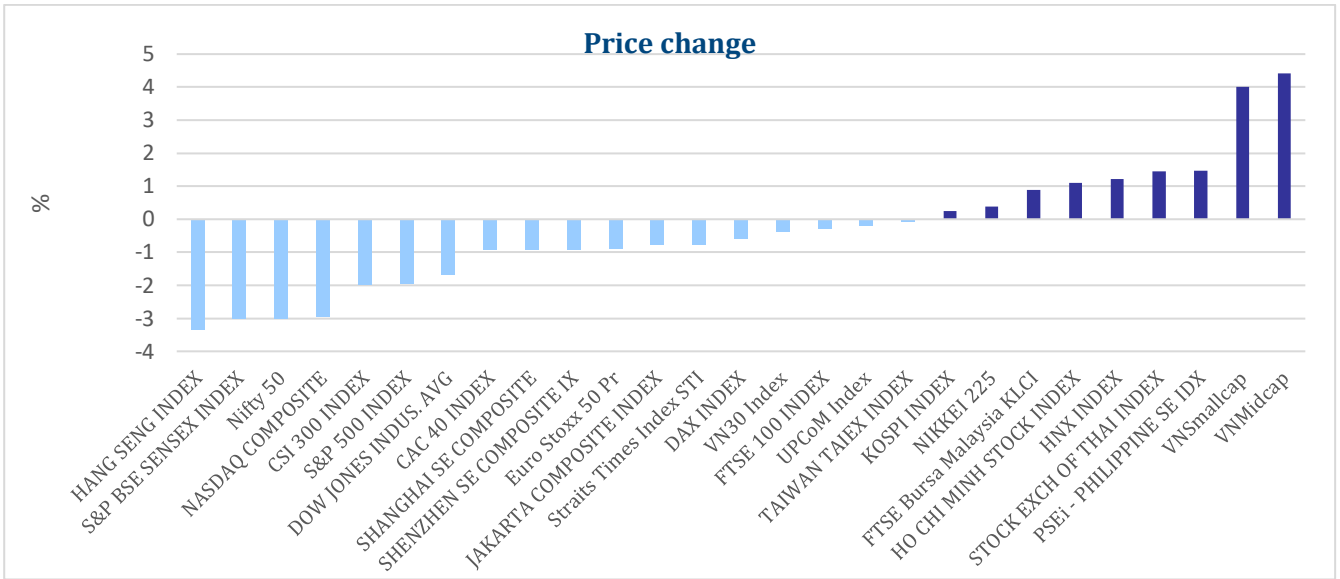
Trên HOSE bán ròng 703.75 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 32.82 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VND	133.57	VPB	363.24
DGC	89.75	VCB	172.55
DIG	89.03	HPG	151.64
VIC	77.53	MSN	140.53
DXG	62.17	NVL	112.39

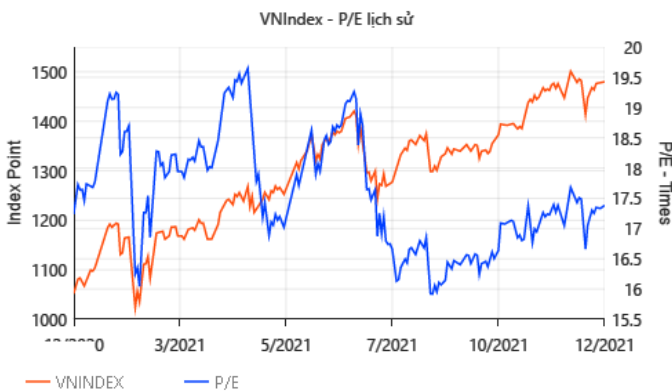
Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE



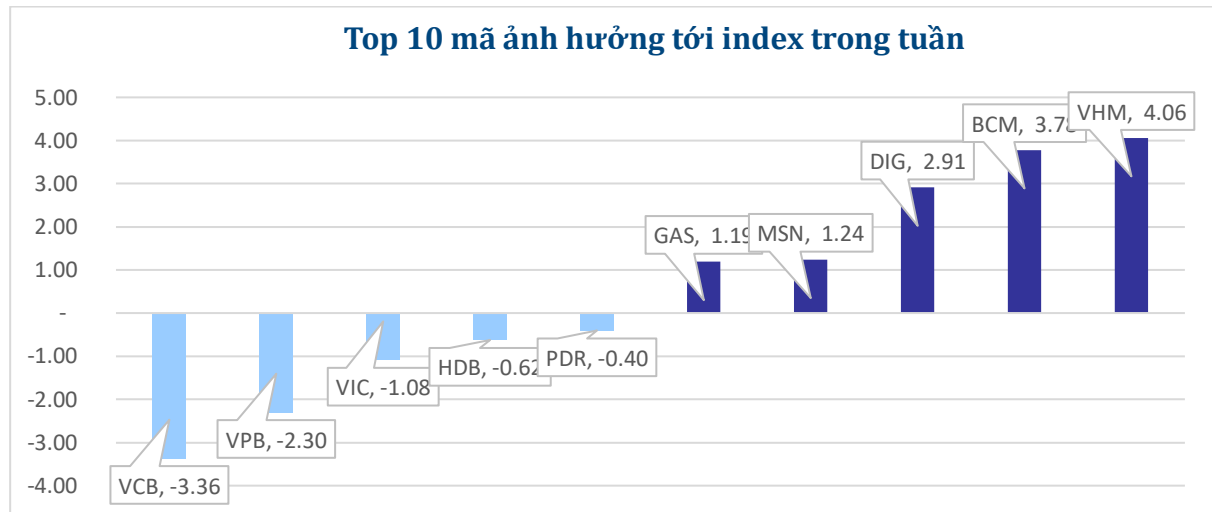
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

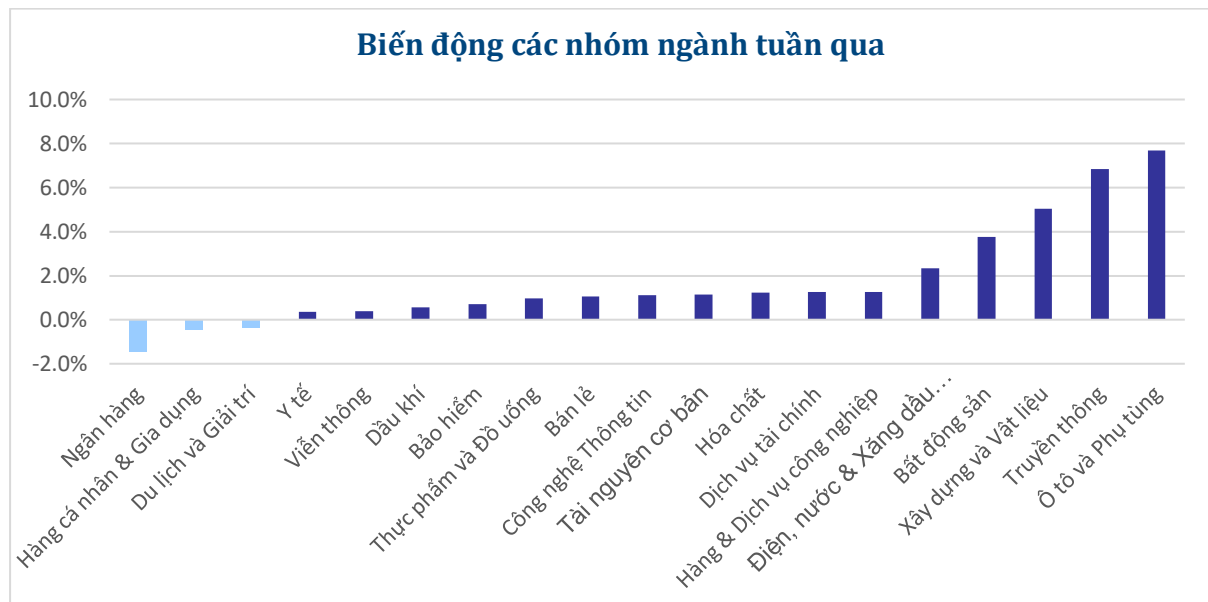


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA

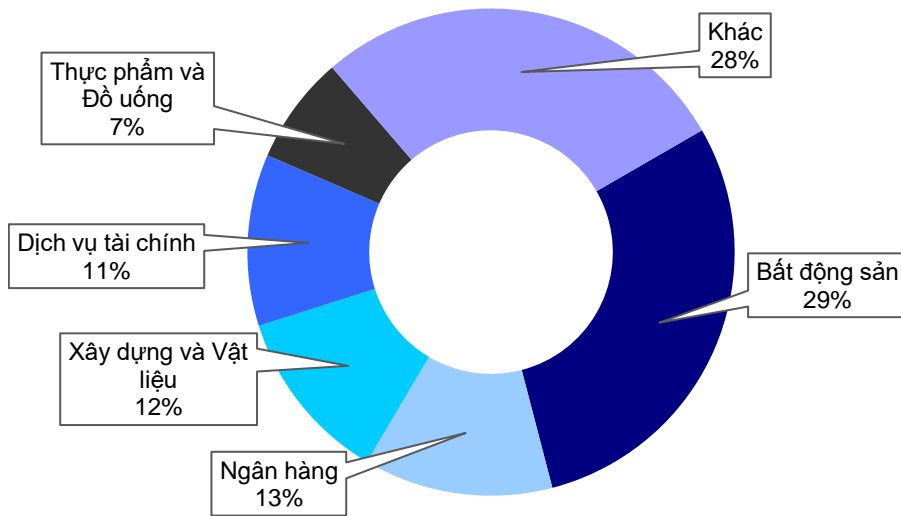


Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Độ biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
ROS	44.2	HPG	874.9	TDB	0.07x	CEO	39.1%	TGG	-16.6%
HAG	34.8	SSI	859.8	VCG	4.09x	DIG	32.8%	TBD	-10.3%
HQC	34.2	VPB	811.9	CIG	3.53x	CII	28.8%	HT1	-8.7%
POW	30.9	VHM	695.1	PTL	2.86x	ROS	27.4%	DPG	-7.5%
FLC	29.5	GEX	578.6	CEN	2.79x	BCM	26.2%	PVX	-7.1%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần

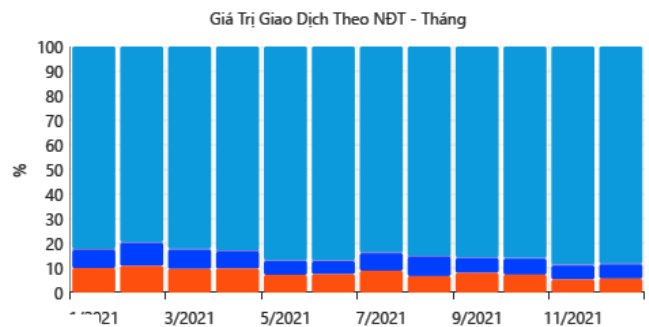
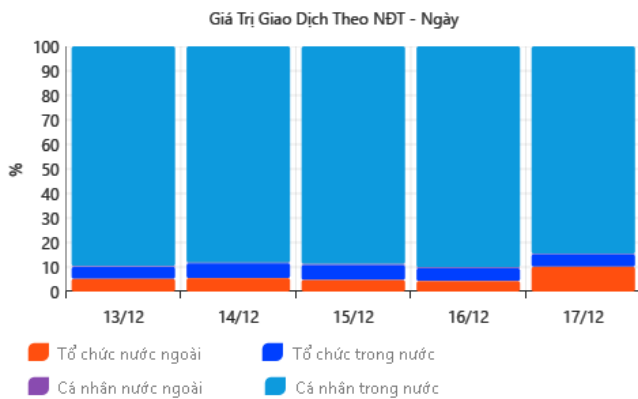


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

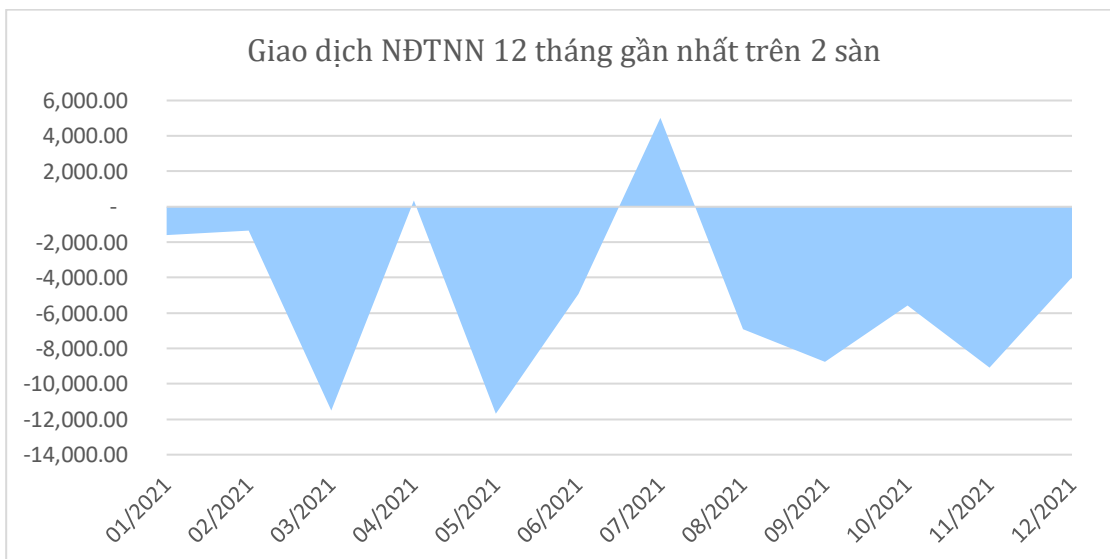
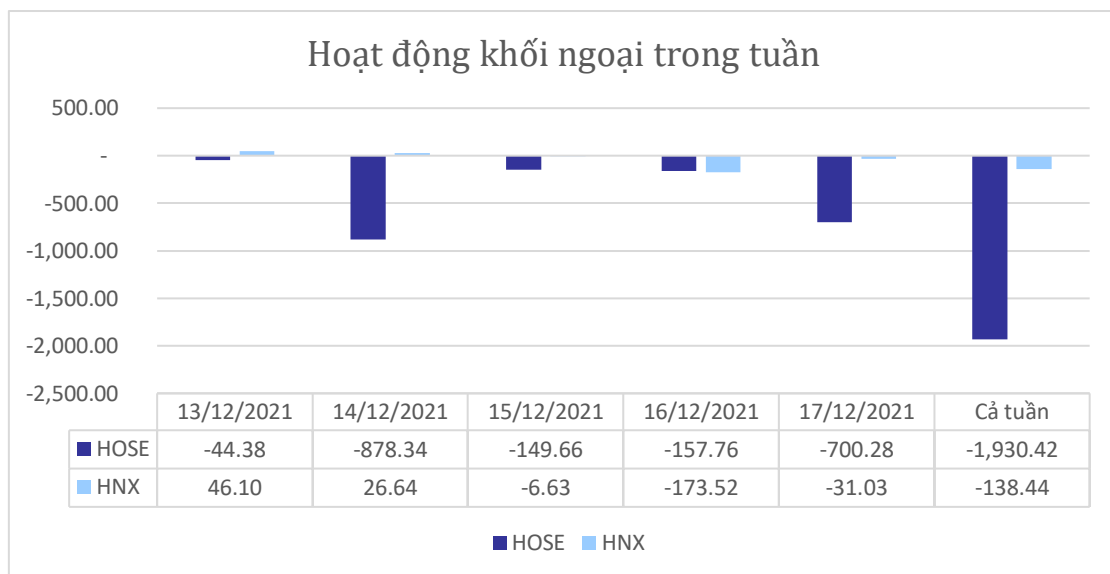
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
SSI	-0.94%	8,809.8	HPG	0.43%	2,297.5
HPG	0.43%	7,402.9	VIC	-1.07%	2,176.7
VHM	4.45%	6,756.8	VPB	-5.59%	2,056.9
VPB	-5.59%	6,619.4	VHM	4.45%	1,771.4
NVL	1.95%	6,573.1	GAB	0.15%	1,434.2

Tỷ trọng giao dịch



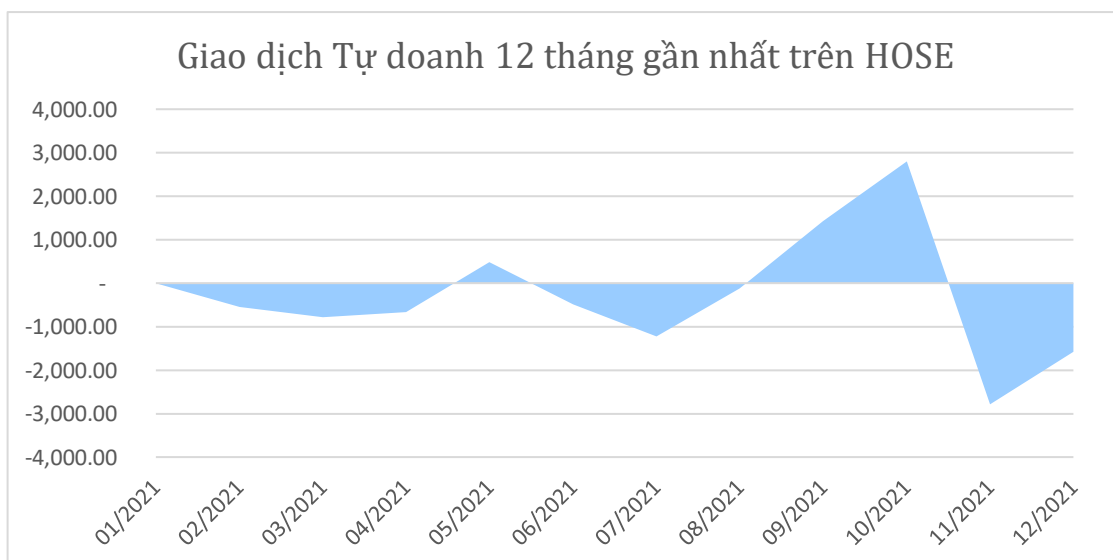
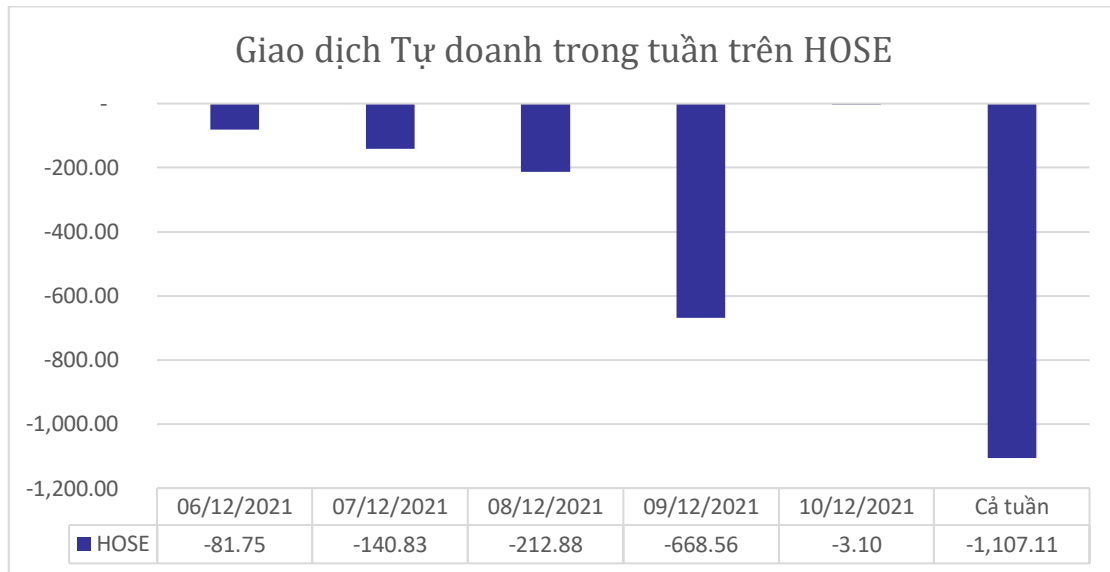
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VIC	-1.07%	389.33	VPB	-5.59%	1,226.28
VND	1.27%	180.52	HPG	0.43%	699.17
VRE	1.48%	177.05	GEX	5.81%	214.63
DGC	-2.82%	154.83	NVL	1.95%	177.14
VHM	4.45%	130.01	NLG	15.92%	175.34



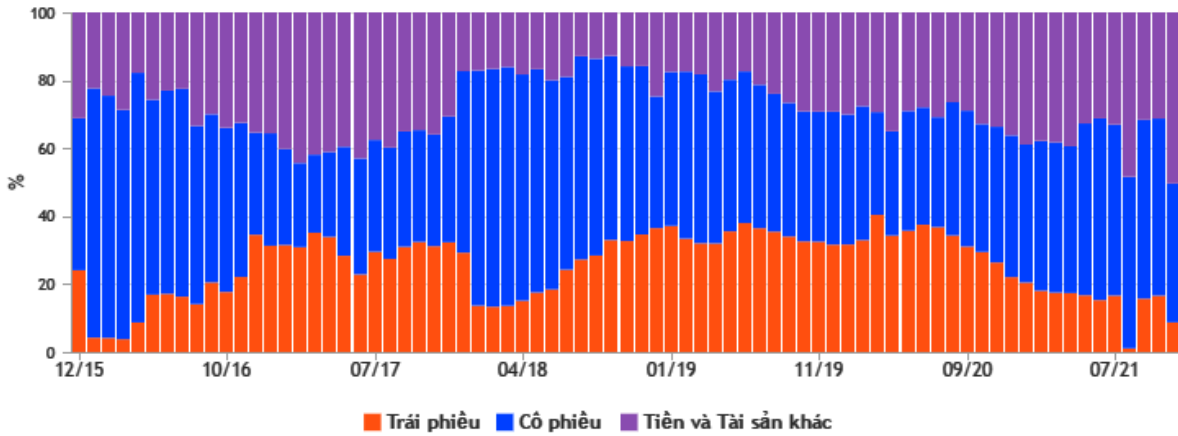
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH TRÊN HOSE CỦA CÁC CTCK

Top Tự doanh Mua ròn			Top Tự doanh Bán ròn		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFN	-0.04%	59.66	MSN	2.64%	197.80
VHM	4.45%	37.81	SSI	-0.94%	192.06
VCG	6.90%	32.11	MWG	0.30%	190.89
PVT	2.78%	29.03	VIC	-1.07%	135.14
LPB	2.11%	22.47	STB	-1.05%	133.68

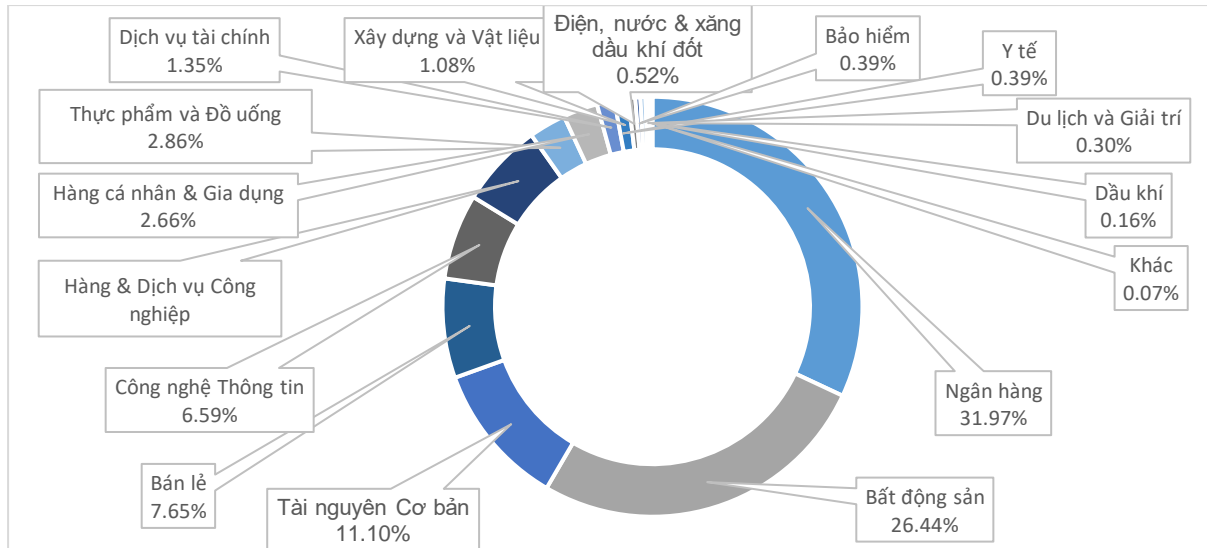


TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)

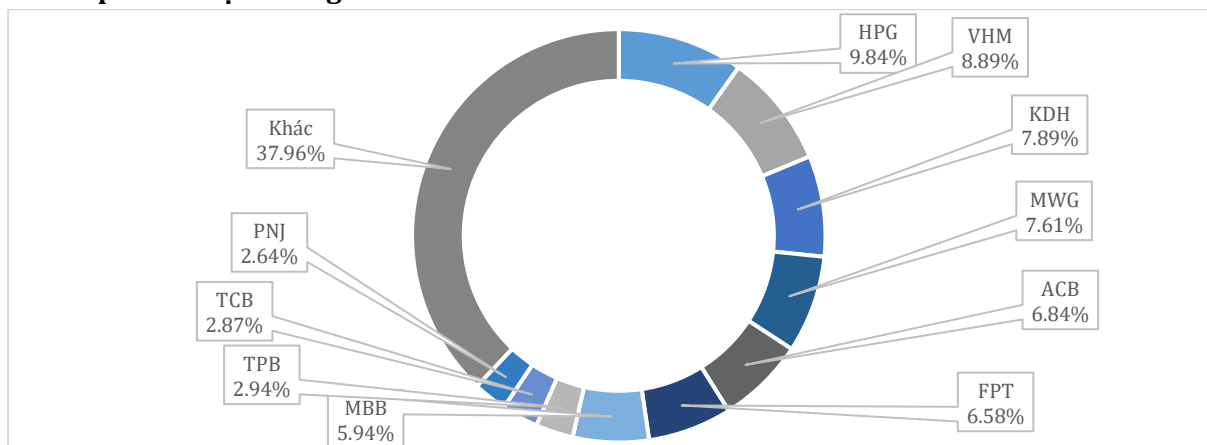
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
CMX	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			19/12/21
BSI	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			19/12/21
VLC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	20/12/21	21/12/21	30/12/21
PNJ	HSX	Giao dịch 2.318.777 cp niêm yết bổ sung (chia 3 đợt)			20/12/21
TPB	HSX	Thưởng cp (tỷ lệ 100:35)	20/12/21	21/12/21	20/12/21
VPI	HSX	Giao dịch 19.999.880 cp niêm yết bổ sung		07/12/21	20/12/21
OPC	HSX	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.000 đ/cp)	20/12/21	21/12/21	28/12/21
VPG	HSX	Chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 2:1)	20/12/21	21/12/21	20/12/21
VDP	HSX	Giao dịch 3.300.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)		12/03/21	20/12/21
CII	HSX	Niêm yết bổ sung 95.193 cp		20/12/21	20/12/21
LCG	HSX	Niêm yết bổ sung 57.156.314 cp		20/12/21	20/12/21
KHG	HSX	Niêm yết bổ sung 144.000.000 cp		20/12/21	20/12/21
TNG	HNX	Giao dịch đầu tiên 6.361.828 cổ phiếu niêm yết bổ sung			20/12/21
LGC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	21/12/21	22/12/21	21/12/21
HDG	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2020 (tỷ lệ 100:20)	21/12/21	22/12/21	21/12/21
SDN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	21/12/21	22/12/21	07/01/22
S4A	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.000 đ/cp)	21/12/21	22/12/21	12/01/22
VHC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2021 (2.000 đ/cp)	21/12/21	22/12/21	31/12/21
VSH	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			21/12/21
DAN	Upcom	Giao dịch 21.141.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	22/12/21	22/12/21	22/12/21
DWC	Upcom	Giao dịch 20.172.800 cổ phiếu đăng ký giao dịch	22/12/21	22/12/21	22/12/21
PVX	Upcom	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	22/12/21	23/12/21	22/12/21
VID	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/12/21	23/12/21	22/12/21
VCB	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (1.200 đ/cp), trả cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 1.000: 276)	22/12/21	23/12/21	05/01/22
PHN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.700 đ/cp)	23/12/21	24/12/21	10/01/22
TAC	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	23/12/21	24/12/21	18/01/22
CMD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	23/12/21	24/12/21	12/01/22
BID	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (200 đ/cp) và bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:25.77119312)	23/12/21	24/12/21	24/01/22
LCG	HSX	Giao dịch 57.156.314 cp niêm yết bổ sung		20/12/21	23/12/21
APH	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2021			23/12/21
DGW	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	23/12/21	24/12/21	23/12/21
TLD	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 100:7)	23/12/21	24/12/21	23/12/21
PTL	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường	23/12/21	24/12/21	23/12/21
ACL	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (600 đ/cp)	23/12/21	24/12/21	05/01/22
TLD	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			23/12/21
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.000 trái phiếu niêm yết			24/12/21
TEG	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			24/12/21
NVL	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 100:31)	24/12/21	27/12/21	24/12/21
SFC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/12/21
VAT	HNX	Hủy niêm yết 4.612.953 cổ phiếu			24/12/21

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.0000 trái phiếu niêm yết			24/12/21
ATS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	24/12/21	27/12/21	24/12/21
KPF	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 20:1)	24/12/21	27/12/21	24/12/21
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.000 trái phiếu niêm yết			24/12/21
HHG	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	24/12/21	27/12/21	24/12/21
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 1.000.000 trái phiếu niêm yết			24/12/21



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN - Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN - Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696